


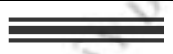

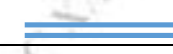





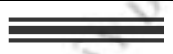

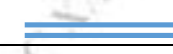





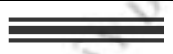

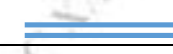




ĐÁP ÁN ĐỀ THI CHÍNH THỨC

Câu	Phần	Nội dung	Điểm
1	a.	<b>Phân tích chức năng của từng loại đường phố theo TCXDVN 104-2007.</b>	<b>2,0</b>
		Theo TCXDVN 104-2007, dựa vào chức năng giao thông, đường phố được chia làm 4 loại: - Đường cao tốc đô thị - Đường phố chính đô thị - Đường phố gom - Đường phố nội bộ	
		<b>Đường cao tốc đô thị:</b> - Mức độ phục vụ: C - Có chức năng giao thông cơ động rất cao. - Phục vụ giao thông có tốc độ cao, giao thông liên tục. - Đáp ứng lưu lượng và khả năng thông hành lớn.	0,25
		- Thường phục vụ nối liền giữa các đô thị lớn, giữa đô thị trung tâm với các trung tâm công nghiệp, bến cảng, nhà ga lớn, đô thị vệ tinh...	0,25
		<b>Đường phố chính đô thị: mức độ phục vụ:</b> - Có chức năng giao thông cơ động cao - Mức độ phục vụ: C - <b>Đường phố chính chủ yếu:</b> Phục vụ giao thông tốc độ cao, giao thông có ý nghĩa toàn đô thị. Đáp ứng lưu lượng và KNTH cao. Nối liền các trung tâm dân cư lớn, khu công nghiệp tập trung lớn, các công trình cấp đô thị	0,25
		- <b>Đường phố chính thứ yếu:</b> Phục vụ giao thông liên khu vực có tốc độ khá lớn. Nối liền các khu dân cư tập trung, các khu công nghiệp, trung tâm công cộng có quy mô liên khu vực.	0,25
		<b>Đường phố gom:</b> - Chức năng giao thông cơ động - tiếp cận trung gian - Mức độ phục vụ: D - <b>Đường phố khu vực:</b> Phục vụ giao thông có ý nghĩa khu vực như trong khu nhà ở lớn, các khu vực trong quận	0,25
		- <b>Đường vận tải:</b> Là đường ô tô gom chuyên dùng cho vận chuyển hàng hoá trong khu công nghiệp tập trung và nối khu công nghiệp đến các cảng, ga và đường trục chính	0,25
- <b>Đại lộ:</b> Là đường có quy mô lớn đảm bảo cân bằng chức năng giao thông và không gian nhưng đáp ứng chức năng không gian ở mức phục vụ rất cao.	0,25		

Câu	Phần	Nội dung	Điểm																
		<p><b>Đường phố nội bộ:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Có chức năng giao thông tiếp cận cao</li> <li>- Mức độ phục vụ: D, E</li> <li>- <b>Đường phố nội bộ:</b> Là đường giao thông liên hệ trong phạm vi phường, đơn vị ở, khu công nghiệp, khu công trình công cộng hay thương mại...</li> <li>- <b>Đường đi bộ, đường xe đạp:</b> Đường chuyên dụng liên hệ trong khu phố nội bộ; đường song song với đường phố chính, đường gom</li> </ul>	0,25																
	<b>b.</b>	<p><b>Vẽ sơ đồ nguyên tắc nối liên hệ mạng lưới đường theo chức năng</b></p>	<b>2,0</b>																
		<p><b>Chú thích:</b></p> <table border="1"> <tr> <td></td> <td>trung tâm đô thị</td> <td></td> <td>Đường cao tốc đô thị</td> </tr> <tr> <td></td> <td>trung tâm khu vực</td> <td></td> <td>Đường phố chính</td> </tr> <tr> <td></td> <td>Trung tâm tiểu khu</td> <td></td> <td>Đường phố gom</td> </tr> <tr> <td></td> <td>Nút giao khác mức</td> <td></td> <td>Đường nội bộ</td> </tr> </table> <p><i>Lưu ý: giao nhau giữa hai đường không được vượt cấp, sai một cấp trừ 0,25đ</i>  <i>Mỗi chi tiết 0.25đ.</i></p>		trung tâm đô thị		Đường cao tốc đô thị		trung tâm khu vực		Đường phố chính		Trung tâm tiểu khu		Đường phố gom		Nút giao khác mức		Đường nội bộ	
	trung tâm đô thị		Đường cao tốc đô thị																
	trung tâm khu vực		Đường phố chính																
	Trung tâm tiểu khu		Đường phố gom																
	Nút giao khác mức		Đường nội bộ																
		<b>Tổng điểm câu 1</b>	<b>4,0đ</b>																
<b>2</b>	<b>a</b>	<p><b>Xác định thông số kỹ thuật trên mặt cắt ngang đường theo TCXDVN 104:2007</b></p>	4,0																
		<p>❖ <b>Phần xe chạy:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đường phố nội bộ</li> <li>- Vận tốc thiết kế: 40(km/h)</li> <li>→ Bề rộng làn xe <math>B_{làn} \geq 3,25(m)</math> (<b>Bảng 10</b>).</li> <li>→ Bề rộng phần xe chạy (1 hướng): <math>B_{pxc} \geq 3 \times 3,25 = 9,75(m)</math></li> </ul> <p><b>Chọn <math>B_{xc} = 9,75(m)</math></b></p>	0,5																

Câu	Phần	Nội dung	Điểm
		<ul style="list-style-type: none"> <li>- <b>Độ dốc ngang:</b> mặt đường bê tông nhựa → <math>i_{md} = (1,5 \div 2,5)\%</math> (<b>Bảng 12</b>) <b>Chọn: <math>i_{md} = 2,0\%</math></b></li> </ul>	0,25
		<ul style="list-style-type: none"> <li>❖ <b>Lề đường, dải an toàn (dải mép):</b></li> </ul>	
		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Vận tốc thiết kế: 40(km/h)</li> <li>- Điều kiện xây dựng loại 1 → Bề rộng lề đường <math>B_{l\grave{e}} \geq 0,5(m)</math> và đủ rộng để dừng xe khẩn cấp (<b>Bảng 13</b>),</li> <li>- Chiều rộng dải mép (ĐKXD loại I): không yêu cầu bố trí dải an toàn <b>Chọn <math>B_{l\grave{e}}=0,5(m)</math>; <math>B_{at} = 0(m)</math></b></li> </ul>	0,5
		<ul style="list-style-type: none"> <li>❖ <b>Phân phân cách:</b> Đường một chiều, không yêu cầu bố trí phân cách giữa các làn xe → <math>B_{pc} = 0(m)</math>,</li> </ul>	0,25
		<ul style="list-style-type: none"> <li>❖ <b>Hè đường:</b></li> </ul>	
		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đường phố nội bộ</li> <li>- ĐKXD loại I → <math>B_{vh} \geq 4,0(m)</math> (<b>Bảng 15</b>) <b>Chọn <math>B_{vh}^1 = 4,0(m)</math></b></li> </ul>	0,25
		<ul style="list-style-type: none"> <li>Đề bài cho trên hè bố trí 2 lane đi bộ và 1 hàng cây xanh mỗi hướng:</li> <li>- 2 lane đi bộ = 2,0m</li> <li>- 1 hàng cây xanh = 2,0m (<b>Bảng 16</b>) cách mép ngoài hè đường <math>\geq 0,75(m)</math> (<b>Bảng 17</b>) → <math>B_{vh}^{min} = 2,0 + 2,0 + 0,75 = 4,75(m)</math></li> </ul>	0,5
		<ul style="list-style-type: none"> <li><math>B_{VH} = \max(B_{vh}^1; B_{vh}^{min}) = \max(4,0; 4,75) = 4,75(m)</math></li> </ul>	0,25
		<ul style="list-style-type: none"> <li>Via hè bố trí làn dành cho người đi bộ → lát gạch via hè, chọn độ dốc via hè <math>i_{vh}=2,0\%</math> và có chiều ngược chiều độ dốc ngang mặt đường.</li> </ul>	0,25
		<ul style="list-style-type: none"> <li>❖ <b>Lộ giới đường:</b> <math>B = B_{xc} + (B_{l\grave{e}} + B_{vh}) + B_{pc} = 9,75 + (0,5 + 4,75) + 0 = 15,0(m)</math></li> <li>❖ <b>Khoảng lùi: đề bài không yêu cầu về khoảng lùi</b></li> </ul>	0,5
		<ul style="list-style-type: none"> <li>❖ <b>Hạ tầng kỹ thuật khác: M, T, CN, TT, ĐL ...</b></li> </ul>	0,75
		<ul style="list-style-type: none"> <li>Cống thoát nước mưa bố trí trên via hè sát lề đường, tìm công cách mép trong bó via <b>thường chọn <math>\geq 0,7(m)</math></b></li> <li>Cống thoát nước thải để thu nước thải từ nhà dân, tìm công cách mép chỉ giới đường đỏ <b>thường chọn <math>\geq 0,5(m)</math></b></li> </ul>	
		<ul style="list-style-type: none"> <li>Bố trí đường ống cáp điện lực (trên via hè) cạnh ống thoát nước mưa và cách <math>\geq 0,5(m)</math> (<b>Bảng 42</b>)</li> <li>Bố trí đường ống thông tin (trên via hè) cạnh đường ống chứa cáp điện lực và cách <math>\geq 0,5(m)</math> (<b>Bảng 42</b>).</li> </ul>	
		<ul style="list-style-type: none"> <li>Trụ đèn chiếu sáng cách mép PXC <math>\geq 1,0(m)</math> ứng với điều kiện xây dựng loại I chọn giá trị tối thiểu mong muốn (<b>Bảng 39</b>).</li> </ul>	



Câu	Phần	Nội dung	Điểm
		Bố trí đường ống cấp nước (trên vỉa hè) cạnh đường ống thoát nước thải và cách đường ống TNT $\geq 3,0(m)$ ( <b>Bảng 42</b> )	
	<b>b</b>	<b>Vẽ mặt cắt ngang điển hình thể hiện các thông số đã xác định ở câu trên</b>	2,0
		Vẽ đúng và ghi kích thước: <ul style="list-style-type: none"> <li>- Phần xe chạy</li> <li>- Phần phân cách</li> <li>- Bề rộng lề đường (dải an toàn)</li> <li>- Độ dốc ngang mặt đường</li> <li>- Vỉa hè (hè đường), Độ dốc ngang vỉa hè</li> <li>- Chỉ giới đường đỏ, Chỉ giới xây dựng, Khoảng lùi, Lộ giới</li> </ul>	1,5
		Vẽ phát họa <b>đúng bố trí các hạng mục hạ tầng</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Công thoát nước mưa</li> <li>- Công thoát nước thải</li> <li>- Đường ống cấp nước</li> <li>- Cáp điện lực, cáp thông tin</li> <li>- Cây xanh, chiếu sáng</li> </ul>	0,5
		<b>Tổng điểm câu 2</b>	<b>6,0đ</b>

